

Số: 127/BC-STP

An Giang, ngày 27 tháng 4 năm 2023

## BÁO CÁO

### **Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang thuộc lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1046/SLĐTBOXH-PCTNXH ngày 11 tháng 3 năm 2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thẩm định dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh bãi bỏ các nghị quyết thuộc lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

#### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

Bãi bỏ toàn bộ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang thuộc lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội.

#### **2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật**

a) Đối với Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ khuyến khích, thu hút đối với bác sĩ tự nguyện tham gia làm việc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị định số 114/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy và Thông tư liên tịch số 13/2007/TTLT/BLĐTBOXH-BNV-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy, ngày 09 tháng 12 năm 2010, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, các căn cứ ban hành nêu trên của Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập và Thông tư số 05/2016/TT-BLĐTBOXH ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số

điều của Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập.

Đồng thời, ngày 30 tháng 12 năm 2016, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3796/QĐ-UBND thành lập Cơ sở điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh An Giang (*Quyết định thành lập trên cơ sở hợp nhất, tổ chức lại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh và Cơ sở tiếp nhận đối tượng xã hội tỉnh*); Ngày 27 tháng 9 năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2213/QĐ-UBND về việc tổ chức lại Cơ sở Điều trị, cai nghiện ma túy tỉnh An Giang. Do đó, tên gọi “*Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh An Giang*” đã không còn phù hợp.

Theo đó, Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND đã không còn phù hợp và cần ban hành văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

b) Đối với Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức các khoản đóng góp và chế độ hỗ trợ miễn, giảm chi phí cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008; Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng và Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng, ngày 19 tháng 7 năm 2018, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, các căn cứ ban hành nêu trên của Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND đã hết hiệu lực và được thay thế bởi Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021; Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy; Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 28 và điểm c khoản 1 Điều 55 của Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021 quy định:

**“Điều 28. Các biện pháp cai nghiện ma túy**

**1. Biện pháp cai nghiện ma túy bao gồm:**

- a) Cai nghiện ma túy tự nguyện;
- b) Cai nghiện ma túy bắt buộc.

2. Biện pháp cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện tại gia đình, cộng đồng hoặc tại cơ sở cai nghiện ma túy; biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc được thực hiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.”

**“Điều 55. Quy định chuyển tiếp**

1. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành:

c) Người đang chấp hành quyết định cai nghiện ma túy bắt buộc tại công đồng theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy số 23/2000/QH10 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2008/QH12 thì được đăng ký cai nghiện tự nguyện theo quy định của Luật này...”

Căn cứ các quy định trên, hiện nay không còn hình thức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng. Do đó, Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND không còn phù hợp.

c) Tại khoản 3 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

**“Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền....”

Căn cứ các điểm trên, việc Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết bãi bỏ các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang thuộc lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội **là cần thiết và đúng thẩm quyền**.

**3. Dự thảo Nghị quyết**

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày địa danh, ngày, tháng, năm ban hành văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

**“Điều 59. Địa danh và ngày, tháng, năm ban hành văn bản**

3. Địa danh và ngày, tháng, năm ban hành văn bản được trình bày trên cùng một dòng với số, ký hiệu văn bản, ...”

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh thống nhất cách trình bày khoảng cách giữa các đoạn văn theo quy định tại khoản 4 Điều 62 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

**“Điều 62. Bố cục của văn bản**

4. Nội dung văn bản được trình bày bằng chữ in thường, được dàn đều cả hai lề, kiểu chữ đứng; cỡ chữ từ 13 đến 14; khi xuống dòng, chữ đầu dòng lùi vào từ 1cm đến 1,27cm; khoảng cách giữa các đoạn văn đặt tối thiểu là 6pt; khoảng cách giữa các dòng hay cách dòng chọn tối thiểu từ cách dòng đơn hoặc từ 15pt trở lên.”

c) Căn cứ ban hành

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh căn cứ thứ 1, 2 như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;”

d) Điều 1

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày tên Điều theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 62 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

**“Điều 62. Bố cục của văn bản**

5. Trường hợp nội dung văn bản được bố cục theo phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm thì trình bày như sau:

c) Từ “Điều”, số thứ tự và tiêu đề của điều được trình bày bằng chữ in thường, cách lề trái từ 1cm đến 1,27cm, số thứ tự của điều dùng chữ số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.); cỡ chữ bằng cỡ chữ của phần lời văn từ 13 đến 14, **kiểu chữ đứng, đậm;**”

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh khoản 1 như sau:

“1. Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chế độ khuyến khích, thu hút đối với bác sĩ tự nguyện tham gia làm việc tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh An Giang.”

đ) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “khóa X kỳ họp thứ 11” thành “Khóa X Kỳ họp thứ ...”.

**4. Dự thảo Tờ trình**

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cách trình bày dự thảo Tờ trình theo góp ý tại khoản 3 của Báo cáo này.

b) Mục I

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh từ “Khoản” thành “khoản”; điều chỉnh thống nhất cách trình bày tên Luật (có “ngày tháng năm” hay chỉ có “năm” hay không có “ngày, tháng, năm”); rà soát, điều chỉnh chính

xác tên các văn bản pháp luật (Ví dụ: điều chỉnh tên Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND như góp ý tại điểm d khoản 3 của Báo cáo này).

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, bỏ các cụm từ trình bày ngày, tháng, năm có hiệu lực do thừa. Ví dụ: “(có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2016; tên Nghị định số 116/2021/NĐ-CP)”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “các cơ sở pháp lý nêu trên của Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND đã hết hiệu lực” thành “các căn cứ ban hành nêu trên của Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND đã hết hiệu lực”.

Tuy nhiên, các cơ sở pháp lý nêu trên của Nghị quyết số 16/2018/NQ-

Đề xuất bỏ các cụm từ trình bày ngày, tháng, năm có hiệu lực của các văn bản do thừa.

Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ từ “*nhu sau*” sau cụm từ “*Điều 55. Quy định chuyển tiếp*” và tô đậm, in nghiêng, đưa cụm từ này vào dấu ngoặc kép. Đồng thời, rà soát dấu cách tại Mục này và toàn bộ dự thảo Tờ trình.

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên dự thảo Nghị quyết tại phần cuối Mục.

#### c) Mục II

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, trình bày rõ ràng, chính xác hơn mục đích xây dựng.

d) Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung phần cuối của dự thảo Tờ trình: “(Xin gửi kèm theo:... (6)).” nhằm đảm bảo theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

**GIÁM ĐỐC**

**Cao Thanh Sơn**